

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-PT

Ngày: 10 - 02 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hồng

- *Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý Số 154/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đình Kh và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình Kh; sinh ngày 07 tháng 7 năm 1979; tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: Số 22/9 (số mới 74/33) đường PĐTV, Phường 8, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Công chức; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 32-QĐ-UBKTThU ngày 18/01/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy ĐL); trình độ học vấn: 12/12; trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản lý đất đai; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Kh, sinh năm 1945 và bà Hà Thị N, sinh năm 1950; vợ Trương Thị Duy L, sinh năm 1978; con: 02 con sinh năm 2005 và 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Phường 8, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Vũ Thành S; sinh ngày 30 tháng 7 năm 1980; tại: Lâm Đồng; nơi cư trú: số 15/8/40 đường HBT, Phường 6, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Công chức; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng số 31-QĐ-UBKTTThU ngày 18/01/2022 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy ĐL); trình độ học vấn: 12/12; trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thành L, sinh năm 1950 và bà Lương Thị Kim Ch, sinh năm 1950; vợ: Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1981 (đã ly hôn); con: 02 con sinh năm 2002 và 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại Phường 6, thành phố ĐL. Có mặt.

3. Nguyễn Đức A; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1981; tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn LN, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: Lê Thị Ph, sinh năm: 1982; con: 02 con sinh năm 2003 (chết) và sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Tại bản án số 62/2010/HSST ngày 25/6/2010 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã TT, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 24/3/2021, Nguyễn Đình Kh và Vũ Thành S cùng nhậu tại nhà hàng HC trên đường PĐTV, Phường 8, thành phố ĐL. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Kh và S rủ chị Đỗ Thị Mỹ H (là nhân viên phục vụ của nhà hàng) đi hát karaoke thì chị H đồng ý. Sau đó, S gọi điện thoại rủ Nguyễn Đức A đi hát karaoke thì Đức A nói đang tại nhà Số 2/5 đường SNA, Phường 9, thành phố ĐL mà Đức A mới thuê để làm cơ sở lưu trú nên Kh, S và H cùng đến chỗ ở của Đức A để rủ cùng đi hát karaoke. Trên đường đi thì S có gọi điện cho chị Vũ Thị Thu H1 (bạn của S) và chỉ chỗ cho chị H1 đến chỗ ở của Đức A chơi. Khi đến nơi thì Kh, S, H gặp Đức A và anh Mai Thanh Đ, S và Kh nói chuyện với Đức A và rủ đi hát karaoke nhưng Đức A nói mới đi làm về mệt nên không đi mà nói nhóm của Kh vào nhà nhậu tiếp để Đức A chuẩn bị đồ nhậu thì S, Kh và H đồng ý.

Đức A chỉ cho S, Kh và H đi lên lầu, vào một phòng ngay bên phải cầu thang. Khi vào phòng thì S thấy ở khe nệm giáp tường trong góc phòng có 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, S lấy đĩa này ra thì thấy trên đĩa có 01 thẻ nhựa màu

xanh và 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền nước ngoài, S biết đây là những dụng cụ để sử dụng ma túy nên bỏ tất cả ra nệm. Thấy vậy, Kh nhớ trong người đang cất giữ một gói nylon chứa Ketamine mà Kh mua từ ngày hôm trước nhưng chưa sử dụng hết nên Kh lấy gói bỏ ra nệm. S cầm gói Ketamine lên xem thì thấy bên trong có thêm 1/2 viên thuốc lắc màu hồng, S đổ hết Ketamine và 1/2 viên thuốc lắc ra đĩa và dùng thẻ nhựa chia ra thành các đường trên đĩa để mọi người cùng sử dụng. H lấy 1/2 viên thuốc lắc này sử dụng bằng cách uống với nước. Tiếp theo, cả S, Kh và H cùng sử dụng Ketamine trên đĩa bằng cách hít vào mũi qua ống hút.

Đức A sau khi tắm xong đi lên phòng thấy nhóm của S đang sử dụng ma túy trong phòng của mình nhưng vẫn đồng ý và cũng ngồi xuống hít một đường Ketamine vào mũi. Một lúc sau, H1 đến gọi cho S, S mở cửa gọi với xuống tầng trệt nhờ Đông mở cửa cho H1 vào thì cùng lúc này lực lượng công an vào kiểm tra phát hiện S, Kh, H và Đức A có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Qua xét nghiệm xác định S, Kh, H và Đức A dương tính với ma túy tổng hợp.

Tang vật thu giữ: 01 đĩa sứ hình tròn, trên đĩa sứ có một ít chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 thẻ nhựa Sacombank màu xanh; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền nước ngoài lồng vào vỏ điều thuốc lá.

Tại Kết luận giám định số 373/GĐ-PC09 ngày 15/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,0518g (không phải không năm một tám gam), loại Ketamine. (Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ).

Quá trình điều tra xác định:

Nguyễn Đình Kh là người cung cấp chất ma túy, cụ thể: Khi Kh nhìn thấy S bỏ dụng cụ sử dụng ma túy ra nệm thì Kh lấy trong người ra 01 gói ma túy bỏ ra đĩa sứ để Kh, S và H cùng sử dụng.

Vũ Thành S là người cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy, cụ thể: Khi S nhìn thấy trong khe nệm sát tường có đĩa sứ, thẻ nhựa và ống hút, S biết rõ đây là dụng cụ dùng để sử dụng chất ma túy nên lấy ra bỏ trên nệm và khi Kh bỏ gói ma túy ra đĩa thì S đã lấy gói ma túy này đổ ra đĩa, dùng thẻ nhựa chia thành từng đường để Kh, S và H cùng sử dụng.

Nguyễn Đức A là người cung cấp địa điểm để sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể: Nhà số 2/5 SNA, Phường 9, thành phố ĐL là nhà do Đức A thuê để kinh doanh cơ sở lưu trú. Khi Đức A từ dưới tầng trệt mang bia lên lầu thì nhìn thấy Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S và Đỗ Thị Mỹ H đang sử dụng trái phép chất ma túy. Đức A biết rõ đây là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn đồng ý

để Kh, S và H sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của mình đang quản lý và cùng ngồi xuống sử dụng ma túy chung với Kh, S và H.

Đối với Đỗ Thị Mỹ H chỉ thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không tham gia vào việc bàn bạc, chuẩn bị ma túy, công cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng chất ma túy nên Công an thành phố ĐL đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi trên.

Cáo trạng số 22/CT - VKSĐL ngày 10/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S và Nguyễn Đức A về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết là BLHS 2015)

Tại Bản án số 95/2022/HS-ST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng đã xử;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S và Nguyễn Đức A phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 BLHS 2015: Xử phạt Nguyễn Đức A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 58 BLHS 2015: Xử phạt Nguyễn Đình Kh 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

2.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38, Điều 58 BLHS 2015: Xử phạt Vũ Thành S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 14/6/2022 bị cáo Nguyễn Đức A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/6/2022 bị cáo Vũ Thành S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt xin được hưởng án treo.

Ngày 24/6/2022 bị cáo Nguyễn Đình Kh kháng cáo xin hưởng án treo (đơn kháng cáo được chấp nhận kháng cáo quá hạn theo Quyết định số 02/2022/HSPT-QĐ ngày 31-8-2022)

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo S xuất trình giấy xác nhận của cơ quan công an về sự đóng góp trong công tác phòng chống tội phạm. Bị cáo Đức A xuất trình giấy xác nhận về việc có phối hợp trong công tác phòng chống tội phạm tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chuyển khung hình phạt tại khoản 1 Điều 255 BLHS. Áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo S; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo Đức A. Áp dụng Điều 65 BLHS 2015 đối với các bị cáo S, Kh, xử bị cáo Kh từ 30-36 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo S từ 24-30 tháng tù cho hưởng án treo. Giảm hình phạt cho bị cáo Đức A, xử bị cáo từ 30-36 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định và đúng quy định nên thời hạn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức A xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Vũ Thành S xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Đình Kh xin hưởng án treo.

[2] Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 24/3/2021, sau khi uống rượu, các bị cáo Nguyễn Đình Kh và Vũ Thành S cùng rủ chị Đỗ Thị Mỹ H là nhân viên phục vụ nhà hàng đến cơ sở lưu trú của bị cáo Nguyễn Đức A thuê tại Số 2/5 đường SNA, Phường 9, thành phố ĐL để rủ bị cáo Đức A đi hát karaoke nhưng Đức A không đi và nói nhóm của bị cáo S vào nhà nhậu tiếp. Trong lúc chờ bị cáo Đức A chuẩn bị đồ nhậu thì bị cáo S, bị cáo Kh và chị H đi lên lầu vào một căn phòng bên phải cầu thang. Tại đây, bị cáo S nhìn thấy trong khe nệm sát tường có một đĩa sứ, 01 thẻ nhựa và 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền nước ngoài, S biết đây là những dụng cụ để sử dụng ma túy nên bỏ tất cả ra nệm giường trong phòng; khi nhìn thấy bị cáo S bỏ dụng cụ sử dụng ma túy ra nệm thì bị cáo Kh đã lấy trong người ra 01 gói nilon bên trong có chất ma túy và 1/2 viên thuốc lắc bỏ ra nệm giường trong phòng. Bị cáo S tự lấy gói ma túy do bị cáo Kh bỏ trên giường đổ ra đĩa và dùng thẻ nhựa chia thành từng đường để sử dụng. Sau đó, bị cáo Kh, Đỗ Thị Mỹ H không ai bảo ai tự động sử dụng ma túy. Chị H uống 1/2 viên thuốc lắc với nước. Lúc này, bị cáo Nguyễn Đức A từ tầng trệt mang bia lên lầu thì nhìn thấy các bị cáo Kh, bị cáo S và chị H đang sử dụng

trái phép chất ma túy nhưng bị cáo Đức A không có ý kiến mà cùng ngồi xuống sử dụng ma túy chung với Kh, S và chị H. Một lúc sau thì Công an thành phố ĐL kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ tang vật là chất bột màu trắng còn lại trên đĩa sứ, qua giám định kết luận là chất ma túy loại Ketamine khối lượng 0,0518g (không phải không năm một tám gam) nên có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Đình Kh có mang theo ma túy trong người bỏ ra giường tuy không rủ rê các bị cáo khác và chị H nhưng là người cung cấp chất ma túy và sử dụng ma túy; bị cáo Vũ Thành S là người phát hiện dụng cụ sử dụng ma túy mang bỏ ra giường tuy không rủ rê các bị cáo khác và chị H nhưng là người cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy và sử dụng ma túy; bị cáo Nguyễn Đức A tuy không rủ rê nhưng đã sử dụng địa điểm do mình quản lý để cùng các bị cáo khác và chị H cùng sử dụng ma túy là người cung cấp địa điểm. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Kh và bị cáo S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Đức A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX thấy rằng bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 255 BLHS 2015 đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 02 người trở lên có khung hình phạt tăng nặng từ 07 năm đến 15 năm là chưa đảm bảo tinh thần hướng dẫn đối với hành vi tổ chức theo Thông tư Liên tịch số 17/2007/TTLT – BCA-VKSNDTC- TANDTC- BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp và Thông tư Liên tịch số 08/VBHN-BCA ngày 31/12/2015 về việc xác thực văn bản hợp nhất của Bộ Công an về định khung tăng nặng đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho 02 người trở lên tại khoản 2 Điều 255 BLHS 2015 (trong vụ án này, chị Đỗ Thị Mỹ H là người được các bị cáo tổ chức cho sử dụng trái phép chất ma túy), gây bất lợi cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị HĐXX phúc thẩm chuyển khung hình phạt tại khoản 1 Điều 255 BLHS 2015 để xét xử các bị cáo theo đúng quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo đối với các bị cáo:

[2.2.1] Đối với bị cáo Nguyễn Đình Kh thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm cùng các bị cáo Vũ Thành S, Nguyễn Đức A tổ chức cho một người sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo độc lập, không có sự bàn bạc với các bị cáo khác về việc sử dụng trái phép chất ma túy, khi

quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 36 tháng tù là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xem xét về khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX thấy rằng bị cáo có nhân tốt, có quá trình công tác trong hệ thống chính trị, có nhiều cống hiến được Đảng và Nhà nước nơi bị cáo công tác ghi nhận; lần đầu phạm tội; gia đình có truyền thống cách mạng, do chỉ một thời điểm mất kiểm soát, thiếu sự rèn luyện, buông thả dẫn đến phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương.

[2.2.2] Đối với bị cáo Vũ Thành S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm cùng các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Nguyễn Đức A tổ chức cho một người sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo độc lập, không có sự bàn bạc với các bị cáo khác về việc sử dụng trái phép chất ma túy, khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 30 tháng tù là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, xem xét về khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm HĐXX thấy rằng bị cáo có nhân tốt, có quá trình công tác trong hệ thống chính trị, có nhiều cống hiến được Đảng và Nhà nước nơi bị cáo công tác ghi nhận; lần đầu phạm tội; gia đình có truyền thống cách mạng, do chỉ một thời điểm mất kiểm soát, thiếu sự rèn luyện, buông thả dẫn đến phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác nhận có sự đóng góp tích cực trong công tác phòng ngừa đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

[2.2.3] Đối với bị cáo Nguyễn Đức A thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm cùng các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S tổ chức cho một người sử dụng trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo cũng mang tính độc lập, không có sự bàn bạc với bị cáo Kh và bị cáo S, bị cáo không quen biết với chị Đỗ Thị Mỹ H. Tuy nhiên, bị cáo đã sử dụng địa điểm do mình quản lý để cùng các bị cáo và chị H sử dụng ma túy. Khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 7 năm 6 tháng tù là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu, bản án sơ thẩm khi quyết định hình phạt căn cứ vào nhân thân bị cáo có 01 tiền án, không có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đã quyết định mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt tại khoản 2 Điều 255 BLHS 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX áp dụng khung hình phạt tại khoản 1 Điều 255 BLHS 2015 để xem xét lại mức án đối với bị

cáo, đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đã thật sự thành khẩn, ăn năn hối cải hợp tác với cơ quan Công an tại địa phương trong công tác phát hiện, phòng chống tội phạm được các cơ quan công an sở tại ghi nhận và xác nhận; hoàn cảnh gia đình bị cáo neo đơn, là lao động duy nhất phải nuôi con nhỏ, vợ bị cáo đã ly hôn sinh sống tại địa phương khác nên áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phân tích đánh giá vai trò tham gia thực hiện tội phạm của từng bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; áp dụng Điều 65 BLHS 2015 đối với bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S; giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Đức A. HĐXX thấy rằng về tính chất của vụ án tuy có dư luận xấu trong cộng đồng dân cư. Tuy nhiên theo quy định của pháp luật hình sự thì hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ bị xét xử tại khoản 1 Điều 255 BLHS 2015.

Xét về nhân thân của các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S có nhân thân tốt, gia đình có truyền thống cách mạng, có sự ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ điều kiện để cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các quy định về án treo. HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận. Đối với bị cáo Nguyễn Đức A tuy bị cáo không có sự bần bạc thỏa thuận trong việc sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo sử dụng địa điểm do mình quản lý để cùng các bị cáo khác và chị H sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo có nhân thân xấu, không có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S, Nguyễn Đức A. Áp dụng Điều 65 BLHS 2015 cho các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S được hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; áp dụng khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015 cách ly bị cáo Nguyễn Đức A ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được HĐXX phúc thẩm chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S và Nguyễn Đức A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 95/2022/HS-ST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng về khung hình phạt và hình phạt.

Xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình Kh, Vũ Thành S và Nguyễn Đức A phạm tội *“Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”*.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Nguyễn Đức A 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Nguyễn Đình Kh 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (10-02-2023)

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Vũ Thành S 30 (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (10-02-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Đình Kh cho Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; giao bị cáo Vũ Thành S cho Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã được cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

(đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo)

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố ĐL (06);
- VKSND thành phố ĐL (01);
- Cơ quan CSĐT CA thành phố ĐL (01);
- Cơ quan THAHS CA thành phố ĐL (01);
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (03);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng